CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 53/2018/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2018*

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 1405
Ngày: 23/4/18
Chuyển: VS, Gửi

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật an toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự

Thay thế Phụ lục II Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép tại Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ bằng Phụ lục II Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép kèm theo Nghị định này.

Điều 2. Áp dụng Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép

1. Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép chỉ áp dụng đối với các sản phẩm mật mã dân sự mà cả mã số HS, tên gọi và mô tả chức năng mật mã trùng với mã số HS, tên gọi và mô tả chức năng mật mã của hàng hóa thuộc Danh mục.

2. Trường hợp có sự khác biệt trong việc xác định mã số hàng hóa tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị định này và Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng (Ban Cơ yếu Chính phủ) để quyết định mã số HS đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự đã được cấp cho doanh nghiệp tiếp tục có hiệu lực theo thời hạn ghi trên Giấy phép đối với sản phẩm mật mã dân sự mà tên gọi phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Cơ quan Hải quan căn cứ vào Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự đã được cấp và thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để xác định mã số HS và giải quyết thủ tục thông quan cho doanh nghiệp.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2). XH 206

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục II

DANH MỤC SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THEO GIẤY PHÉP

(Kèm theo Nghị định số 53/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ)

Mã số HS	Tên gọi	Mô tả chức năng mật mã
84.43	**Máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in khác của nhóm 84.42; máy in khác, máy copy (copying machines) và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau; bộ phận và các phụ kiện của chúng**	
	- Máy in khác, máy copy và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau:	
8443.31	- - Máy kết hợp hai hoặc nhiều chức năng in, copy hoặc fax, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng.	
	- - - Máy in-copy-fax kết hợp:	
8443.31.31	- - - - Loại màu	Sản phẩm có chức năng bảo mật fax, điện báo.
8443.31.39	- - - - Loại khác	Sản phẩm có chức năng bảo mật fax, điện báo.
	- - - Loại khác:	
8443.31.91	- - - - Máy in-copy-scan-fax kết hợp	Sản phẩm có chức năng bảo mật fax, điện báo.
8443.31.99	- - - - Loại khác	Sản phẩm có chức năng bảo mật fax, điện báo.
8443.32	- - Loại khác, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng:	
	- - - Máy fax:	
8443.32.41	- - - - Loại màu	Sản phẩm có chức năng bảo mật fax, điện báo.

Mã số HS	Tên gọi	Mô tả chức năng mật mã
8443.32.49	- - - - Loại khác	Sản phẩm có chức năng bảo mật fax, điện báo.
8443.32.90	- - - Loại khác	Sản phẩm có chức năng bảo mật fax, điện báo.
	- Bộ phận và phụ kiện	
8443.99	- - Loại khác	
8443.99.90	- - - Loại khác	Bộ phận và phụ kiện sử dụng cho sản phẩm có chức năng mật mã kết hợp với fax, điện báo.
84.71	**Máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng; đầu đọc từ tính hay đầu đọc quang học, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ liệu dưới dạng mã hóa và máy xử lý những dữ liệu này, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác**	
8471.30	- Máy xử lý dữ liệu tự động loại xách tay, có trọng lượng không quá 10 kg, gồm ít nhất một đơn vị xử lý dữ liệu trung tâm, một bàn phím và một màn hình:	
8471.30.90	- - Loại khác	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Sinh khóa mật mã; quản lý hoặc lưu trữ khóa mật mã; bảo mật luồng IP và bảo mật kênh.
	- Máy xử lý dữ liệu tự động khác:	
8471.41	- - Chứa trong cùng một vỏ có ít nhất một đơn vị xử lý trung tâm, một đơn vị nhập và một đơn vị xuất, kết hợp hoặc không kết hợp với nhau:	
8471.41.90	- - - Loại khác	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Sinh khóa mật mã; quản lý hoặc lưu trữ khóa mật mã; bảo mật luồng IP và bảo mật kênh.

Mã số HS	Tên gọi	Mô tả chức năng mật mã
8471.49	- - Loại khác, ở dạng hệ thống	
8471.49.90	- - - Loại khác	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Sinh khóa mật mã; quản lý hoặc lưu trữ khóa mật mã; bảo mật luồng IP và bảo mật kênh.
8471.50	- Bộ xử lý trừ loại của phân nhóm 8471.41 hoặc 8471.49, có hoặc không chứa trong cùng vỏ của một hoặc hai thiết bị sau: Bộ lưu trữ, bộ nhập, bộ xuất:	
8471.50.90	- - Loại khác	Bộ xử lý có chức năng mã hóa.
8471.70	- Bộ lưu trữ:	
8471.70.20	- - Ổ đĩa cứng	Ổ đĩa cứng có chức năng mã hóa.
	- - Loại khác:	
8471.70.99	- - - Loại khác	Bộ lưu trữ có chức năng mã hóa.
8471.80	- Các bộ máy khác của máy xử lý dữ liệu tự động:	
8471.80.90	- - Loại khác	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Sinh khóa mật mã; quản lý hoặc lưu trữ khóa mật mã; thành phần mật mã trong hệ thống PKI; bảo mật dữ liệu lưu giữ; bảo mật dữ liệu; bảo mật luồng IP và bảo mật kênh.
8471.90	- Loại khác	
8471.90.30	- - Hệ thống nhận dạng vân tay điện tử	Sản phẩm có chức năng mã hóa dữ liệu.
8471.90.40	- - Máy đọc ký tự quang học khác	Sản phẩm có chức năng mã hóa dữ liệu.
8471.90.90	- - Loại khác	Sản phẩm có chức năng mã hóa dữ liệu.

Mã số HS	Tên gọi	Mô tả chức năng mật mã
84.73	**Bộ phận và phụ kiện (trừ vỏ, hộp đựng và các loại tương tự) chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các máy thuộc các nhóm từ 84.70 đến 84.72**	
8473.30	- Bộ phận và phụ kiện của máy thuộc nhóm 84.71	
8473.30.10	- - Tấm mạch in đã lắp ráp	Tấm mạch in đã lắp ráp có tích hợp chức năng mật mã.
8473.30.90	- - Loại khác	Sản phẩm có tích hợp chức năng mật mã.
85.17	**Bộ điện thoại, kể cả điện thoại cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác; thiết bị khác để truyền hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác, kể cả các thiết bị thông tin nối mạng hữu tuyến hoặc không dây (như loại sử dụng trong mạng nội bộ hoặc mạng diện rộng), trừ loại thiết bị truyền hoặc thu của nhóm 84.43, 85.25, 85.27 hoặc 85.28**	
	- Bộ điện thoại, kể cả điện thoại cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác:	
8517.11.00	- - Bộ điện thoại hữu tuyến với điện thoại cầm tay không dây	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật thoại tương tự hoặc thoại số; bảo mật thoại hữu tuyến.
8517.12.00	- - Điện thoại cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật thoại tương tự hoặc thoại số; bảo mật thoại vô tuyến.

Mã số HS	Tên gọi	Mô tả chức năng mật mã
8517.18.00	- - Loại khác	Sản phẩm có chức năng mã hóa.
	- Thiết bị khác để phát hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu, kể cả thiết bị thông tin hữu tuyến hoặc không dây (như loại sử dụng trong mạng nội bộ hoặc mạng diện rộng):	
8517.62	- - Máy thu, đổi và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác, kể cả thiết bị chuyển mạch và thiết bị định tuyến:	
8517.62.10	- - - Thiết bị phát và thu sóng vô tuyến sử dụng cho phiên dịch trực tiếp tại các hội nghị sử dụng nhiều thứ tiếng	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
	- - - Các khối chức năng của máy xử lý dữ liệu tự động trừ loại của nhóm 84.71:	
8517.62.21	- - - - Bộ điều khiển và bộ thích ứng (adaptor), kể cả cổng nối, cầu nối và bộ định tuyến	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
8517.62.29	- - - - Loại khác	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
8517.62.30	- - - Thiết bị chuyển mạch điện báo hay điện thoại	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
	- - - Thiết bị dùng cho hệ thống hữu tuyến sóng mang hoặc hệ thống hữu tuyến kỹ thuật số:	
8517.62.41	- - - - Bộ điều biến/giải biến (modem) kể cả loại sử dụng cáp nối và dạng thẻ cắm	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
8517.62.42	- - - - Bộ tập trung hoặc bộ dồn kênh	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
8517.62.49	- - - - Loại khác	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
	- - - Thiết bị truyền dẫn khác kết hợp với thiết bị thu:	

Mã số HS	Tên gọi	Mô tả chức năng mật mã
8517.62.51	- - - - Thiết bị mạng nội bộ không dây	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
8517.62.52	- - - - Thiết bị phát và thu dùng cho phiên dịch trực tiếp tại các hội nghị sử dụng nhiều thứ tiếng	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
8517.62.53	- - - - Thiết bị phát dùng cho điện báo hay điện thoại truyền dẫn dưới dạng sóng khác	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
8517.62.59	- - - - Loại khác	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
	- - - Thiết bị truyền dẫn khác:	
8517.62.61	- - - - Dùng cho điện báo hay điện thoại	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
8517.62.69	- - - - Loại khác	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
	- - - Loại khác:	
8517.62.91	- - - - Thiết bị thu xách tay để gọi, báo hiệu hoặc nhắn tin và thiết bị cảnh báo bằng tin nhắn, kể cả máy nhắn tin	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
8517.62.92	- - - - Dùng cho vô tuyến điện báo hoặc vô tuyến điện thoại	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
8517.62.99	- - - - Loại khác	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
8517.69.00	- - Loại khác	Sản phẩm có chức năng mã hóa.
8517.70	- Bộ phận	

Mã số HS	Tên gọi	Mô tả chức năng mật mã
8517.70.10	- - Của bộ điều khiển và bộ thích ứng (adaptor) kể cả cổng nối, cầu nối và bộ định tuyến	Bộ phận của bộ điều khiển, bộ thích ứng và bộ định tuyến có chức năng mã hóa.
	- - Của thiết bị truyền dẫn, trừ loại dùng cho phát thanh sóng vô tuyến hoặc thiết bị phát truyền hình, hoặc của loại thiết bị thu xách tay để gọi, báo hiệu hoặc nhắn tin và thiết bị cảnh báo bằng tin nhắn, kể cả máy nhắn tin:	
8517.70.21	- - - Của điện thoại di động (cellular telephones)	Bộ phận của điện thoại di động có chức năng mã hóa.
8517.70.29	- - - Loại khác	Bộ phận của sản phẩm có chức năng mã hóa.
	- - Tấm mạch in khác, đã lắp ráp:	
8517.70.31	- - - Dùng cho điện thoại hay điện báo hữu tuyến	Bộ phận dùng cho điện thoại hay điện báo hữu tuyến có chức năng mã hóa.
8517.70.32	- - - Dùng cho điện báo hay điện thoại truyền dẫn dưới dạng sóng vô tuyến	Bộ phận dùng cho điện báo hay điện thoại truyền dẫn dưới dạng sóng vô tuyến có chức năng mã hóa.
8517.70.39	- - - Loại khác	Bộ phận của sản phẩm có chức năng mã hóa.
	- - Loại khác:	
8517.70.91	- - - Dùng cho điện báo hoặc điện thoại hữu tuyến	Bộ phận dùng cho điện báo hoặc điện thoại hữu tuyến có chức năng mã hóa.
8517.70.92	- - - Dùng cho điện báo hoặc điện thoại truyền dẫn dưới dạng sóng vô tuyến	Bộ phận dùng cho điện báo hoặc điện thoại truyền dẫn dưới dạng sóng vô tuyến có chức năng mã hóa.
8517.70.99	- - - Loại khác	Bộ phận của sản phẩm có chức năng mã hóa.

Mã số HS	Tên gọi	Mô tả chức năng mật mã
85.23	**Đĩa, băng, các thiết bị lưu trữ bền vững, thể rắn, "thẻ thông minh" và các phương tiện lưu trữ thông tin khác để ghi âm hoặc ghi các hiện tượng khác, đã hoặc chưa ghi, kể cả bản khuôn mẫu và bản gốc để sản xuất ghi đĩa, nhưng không bao gồm các sản phẩm của Chương 37**	
	- Phương tiện lưu trữ thông tin bán dẫn	
8523.51	- - Các thiết bị lưu trữ bán dẫn không xóa:	
	- - - Loại chưa ghi:	
8523.51.11	- - - - Loại dùng cho máy vi tính	Sản phẩm là thành phần mật mã trong hệ thống PKI; sản phẩm bảo mật dữ liệu lưu giữ.
8523.51.19	- - - - Loại khác	Sản phẩm là thành phần mật mã trong hệ thống PKI; sản phẩm bảo mật dữ liệu lưu giữ.
	- - - Loại khác:	
	- - - - Loại sử dụng để tái tạo các hiện tượng trừ âm thanh hoặc hình ảnh:	
8523.51.21	- - - - - Loại dùng cho máy vi tính	Sản phẩm là thành phần mật mã trong hệ thống PKI; sản phẩm bảo mật dữ liệu lưu giữ.
8523.51.29	- - - - - Loại khác	Sản phẩm là thành phần mật mã trong hệ thống PKI; sản phẩm bảo mật dữ liệu lưu giữ.
8523.51.30	- - - - Loại khác, loại sử dụng để sao chép các tập lệnh, dữ liệu, âm thanh và hình ảnh, được ghi ở dạng nhị phân để máy có thể đọc được, và có khả năng thao tác hoặc có thể tương tác với người sử dụng, thông qua một máy xử lý dữ liệu tự động; phương tiện lưu trữ được định dạng riêng (đã ghi)	Sản phẩm là thành phần mật mã trong hệ thống PKI; sản phẩm bảo mật dữ liệu lưu giữ.
	- - - - Loại khác:	

Mã số HS	Tên gọi	Mô tả chức năng mật mã
8523.51.91	- - - - - Loại khác, chứa phim điện ảnh trừ phim thời sự, phim du lịch, phim kỹ thuật, phim khoa học, và phim tài liệu khác	Sản phẩm là thành phần mật mã trong hệ thống PKI; sản phẩm bảo mật dữ liệu lưu giữ.
8523.51.92	- - - - - **Loại khác**, dùng cho điện ảnh	Sản phẩm là thành phần mật mã trong hệ thống PKI; sản phẩm bảo mật dữ liệu lưu giữ.
8523.51.99	- - - - - Loại khác	Sản phẩm là thành phần mật mã trong hệ thống PKI; sản phẩm bảo mật dữ liệu lưu giữ.
8523.52.00	- - "Thẻ thông minh"	Sản phẩm là thành phần mật mã trong hệ thống PKI; sản phẩm bảo mật dữ liệu lưu giữ.
85.25	**Thiết bị phát dùng cho phát thanh sóng vô tuyến hoặc truyền hình, có hoặc không gắn với thiết bị thu hoặc ghi hoặc tái tạo âm thanh; camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh**	
8525.50.00	- Thiết bị phát.	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh; bảo mật vô tuyến.
8525.60.00	- Thiết bị phát có gắn với thiết bị thu	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh; bảo mật vô tuyến.
85.26	**Ra đa, các thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến và các thiết bị điều khiển từ xa bằng vô tuyến**	
	- Loại khác:	
8526.91	- - Thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến	
8526.91.10	- - - Thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến, loại dùng trên máy bay dân dụng, hoặc chỉ dùng cho tàu thuyền đi biển	Sản phẩm có chức năng bảo mật vô tuyến.
8526.91.90	- - - Loại khác	Sản phẩm có chức năng bảo mật vô tuyến.

Mã số HS	Tên gọi	Mô tả chức năng mật mã
8526.92.00	- - Thiết bị điều khiển từ xa bằng sóng vô tuyến	Sản phẩm có chức năng bảo mật vô tuyến.
85.28	**Màn hình và máy chiếu, không gắn với thiết bị thu dùng trong truyền hình; thiết bị thu dùng trong truyền hình, có hoặc không gắn với máy thu thanh sóng vô tuyến hoặc thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh**	
	- Thiết bị thu dùng trong truyền hình, có hoặc không gắn với thiết bị thu thanh sóng vô tuyến hoặc thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh:	
8528.71	- - Không thiết kế để gắn với thiết bị hiển thị video hoặc màn ảnh:	
	- - - Set top boxes có chức năng tương tác thông tin:	
8528.71.11	- - - - Hoạt động bằng nguồn điện lưới	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
8528.71.19	- - - - Loại khác	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
	- - - Loại khác:	
8528.71.91	- - - - Hoạt động bằng nguồn điện lưới	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.
8528.71.99	- - - - Loại khác	Sản phẩm có ít nhất một trong các chức năng: Bảo mật luồng IP; bảo mật kênh.

Mã số HS	Tên gọi	Mô tả chức năng mật mã
85.29	**Bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các thiết bị thuộc các nhóm từ 85.25 đến 85.28**	
8529 .90	- Loại khác:	
8529.90.20	- - Dùng cho bộ giải mã	Bộ phận có chức năng mã hóa.
	- - Tấm mạch in khác, đã lắp ráp hoàn chỉnh:	
8529.90.51	- - - Dùng cho hàng hoá thuộc phân nhóm 8525.50 hoặc 8525.60	Bộ phận có chức năng mã hóa.
85.42	**Mạch điện tử tích hợp**	
	- Mạch điện tử tích hợp:	
8542.31.00	- - Đơn vị xử lý và đơn vị điều khiển, có hoặc không kết hợp với bộ nhớ, bộ chuyển đổi, mạch logic, khuếch đại, đồng hồ và mạch định giờ, hoặc các mạch khác	Sản phẩm là thành phần mật mã trong hệ thống PKI; sản phẩm bảo mật dữ liệu lưu giữ.
8542.32.00	- - Bộ nhớ	Sản phẩm bảo mật dữ liệu lưu giữ.
85.43	**Máy và thiết bị điện, có chức năng riêng, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác trong Chương này**	
8543.70	- Máy và thiết bị khác:	
8543.70.20	- - Thiết bị điều khiển từ xa, trừ thiết bị điều khiển từ xa bằng sóng radio	Sản phẩm có chức năng bảo mật vô tuyến.
8543.70.90	- - Loại khác	Sản phẩm có chức năng bảo mật vô tuyến.
8543.90	- Bộ phận:	
8543.90.90	- - Loại khác	Bộ phận có chức năng mã hóa.